MỤC LỤC TÀI LIỆU

Phần I: Qui chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

Phần II: Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD & Quản trị công ty năm 2022.

Phần III: Các tờ trình tại đại hội thường niên 2023:

1. Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả SXKD & Quản trị công ty 2022.
2. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính 2022 hợp nhất đã kiểm toán.
3. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2023;
4. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch cổ tức năm 2023;
5. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023;
6. Tờ trình thù lao hoạt động năm 2023 cho TV HĐQT;
7. Tờ trình danh sách ứng cử viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023-2027.
8. Tờ trình thông qua các Qui chế công ty: Qui chế quản trị nội bộ; Qui chế hoạt động của HĐQT; Qui chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán.

Phần IV: Qui chế bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027

Phần V: Hướng dẫn bầu cử HĐQT

Phần VI: Hồ sơ ứng viên

Phần VII: Dự thảo Qui chế hoạt động đính kèm tờ trình số 08/TT-HĐQT/ASP/2023

PHẦN I

QUI CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

I. Mục tiêu:

Tạo điều kiện cho công tác tổ chức đại hội được tiến hành thành công theo đúng qui định. Đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch, công bằng.

II. Ủy quyền tham dự đại hội

Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của đại hội trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi đươc ủy quyền phù hợp với qui định của luật doanh nghiệp. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

Việc cử người đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo qui định sau:

Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải có đầy đủ chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền. Cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải có đầy đủ chữ ký của bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền và phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân / tổ chức đó. Văn bản ủy quyền phải được gửi tới ban tổ chức đại hội trước 16h ngày 18/04/2023.

III. Trật tự đại hội:

Cổ đông vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức qui định, tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp bố trí của Ban tổ chức.

Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra đại hội. Điện thoại di động để ở chế độ rung, tắt chuông. Không hút thuốc lá trong khu vực hội trường họp.

IV. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội:

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình đại hội (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín) đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông dự họp bằng phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông được cấp 1 phiếu biểu quyết trong đó ghi: họ tên, mã

số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện ủy quyền. Phiếu biểu quyết được đóng dấu treo của công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và được phát cho cổ đông ngay khi làm thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

Để công tác kiểm phiếu được thuận lợi, cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách giơ phiếu. Ý kiến tán thành sẽ được giơ trước, tiếp đến không tán thành và cuối cùng là không ý kiến.

3. Kiểm phiếu biểu quyết:

Việc kiểm phiếu được tiến hành theo hình thức cuốn chiếu, kiểm phiếu trực tiếp ngay sau từng vấn đề được xin ý kiến và công bố trên màn hình slide để quí vị cổ đông tiện theo dõi.

4. Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông:

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan tới việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập và giải thể công ty, giao dịch bán tài sản công ty hoặc chi nhánh công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản công ty và các chi nhánh của công ty theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán trong kỳ gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội tán thành.

Các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội tán thành.

V. Phát biểu ý kiến tại đại hội:

1. Mục tiêu:

Để góp phần cho đại hội diễn ra trật tự văn minh, cổ đông tham dự đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận thì đăng ký nội dung phát biểu cho ban tổ chức.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp để cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

VI. Trách nhiệm của đoàn chủ tịch:

Điều khiển đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ, qui chế đã được đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Hướng dẫn đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong chương trình đại hội và các vấn đề liên quan trong suốt quá trình đại hội.

Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình đại hội.

VII. Trách nhiệm của thư ký:

Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của đại hội.

Soạn thảo biên bản họp đại hội và Nghị Quyết về các vấn đề đã được thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, ngày 19/04/2023.

PHẦN II

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về kết quả hoạt động SXKD và quản trị công ty năm 2022 và kế hoạch 2023
Do TV HĐQT kiêm TGĐ Trần Minh Loan trình bày tại ĐHCĐ thường niên năm 2023)

I: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023

1. Kết quả kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022 (%)	Tỷ lệ TH 2022/TH 2021 (%)
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	166.877	198.000	178.400	90,10%	106,91%
2	Doanh thu	Tỉ đồng	3.392	3.500	4.082	116,63%	120,34%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.374	39.000	13.687	30,09%	53,94%

Đối mặt với những khó khăn của thị trường kinh tế thế giới nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng, sản lượng và lợi nhuận sau thuế thực hiện trong năm 2022 của Anpha Petrol không đạt so với kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, đưa ra những quyết định kịp thời giúp cho việc Công ty vượt qua những khó khăn trước mắt, cũng cố nguồn lực tạo đà phát triển cho tương lai. Trong năm, Anpha Petrol hạn chế các khoản giảm trừ doanh thu giúp cho Doanh thu đạt 4.082 triêu đồng, đạt 116,63% so với kế hoạch 2022 và 120,34% so với năm 2021, đây được xem là thành công của Anpha Petrol trong việc điều tiết hoạt động kinh doanh của mình.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Về nguồn cung cấp LPG

An Pha Petrol là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại nên Công ty chủ yếu mua nhập khẩu Gas (LPG) từ các nhà cung cấp nước ngoài và một phần từ các nhà cung cấp Tổng Công ty khí Việt Nam.

Ngoài nguồn cung gas trong nước chưa thật sự ổn định, phần còn lại Công ty tự nhập khẩu từ các nước: Thái Lan, Singapore, Trung Quốc,… nhằm đảm bảo ổn định nguồn hàng, đây là nguồn cung ứng LPG đầu vào cực kỳ ổn định mà các công ty trong ngành LPG khác khó có thể cạnh tranh được.

Về kiểm soát chi phí sản xuất

Công ty đã khai thác tối đa hệ thống kho và thực hiện kiểm soát chi phí bằng cách sử dụng công suất tối đa của máy móc, thiết bị và nhà xưởng, tối ưu hóa phương tiện vận chuyển gas, đồng thời thiết lập các qui định để giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, công ty đã áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu một cách hợp lý, đồng thời tăng cường quản trị công nợ phải thu nhằm giảm chi phí sản xuất và chi phí tài chính tối đa.

Về hoạt động các kênh phân phối

Kênh phân phối một cấp: Công ty cung cấp LPG cho các công ty thành viên của tập đoàn để các đơn vị này phân phối ra thị trường. Đây là kênh phân phối chủ lực của Công ty, với công tác đầu tư mở rộng, nâng cấp được chú trọng hàng đầu.

Cung cấp sản phẩm qua kênh này luôn đảm bảo an toàn về mặt tài chính, chủ động đầu vào cho các công ty con và đảm bảo sự thống nhất giữa nhiệm vụ kinh doanh của Công ty với các đơn vị thành viên. Công ty đã khai thác được những lợi thế cạnh tranh về lĩnh vực này so với các đối thủ nhờ vào hệ thống cung ứng dịch vụ logistic của Công ty từ nhà cung cấp đến các Công ty thành viên. Trên thực tế, ngoài sản phẩm gas bình, Công ty đã giành được nhiều hợp đồng cung cấp gas bồn cho các khách hàng công nghiệp với khối lượng lớn. Đối với các thị trường tập trung như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội công ty áp dụng kênh phân phối một cấp, từ công ty đến thẳng hệ thống cửa hàng, đại lý bằng đội xe giao hàng của công ty.

Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống bán hàng với chuỗi giá trị khép kín đến tận tay khách hàng giúp Công ty kiểm soát được chất lượng dịch vụ, tạo ra sự hài lòng cao nhất đến khách hàng, qua đó ngày càng nâng cao thị phần và thương hiệu của Công ty.

Trong năm 2022, thực hiện kế hoạch phát triển chiến lược kinh doanh LNG theo hướng hợp tác với các công ty đầu mới, mua bán sáp nhập và quản trị các công ty liên kết, hợp tác với các đối tác trong kinh doanh LPG và mở rộng hệ sinh thái kinh doanh LPG, Anpha Petrol đã được một số kết quả như sau:

Tái cấu trúc thị trường LPG ở miền Trung bằng việc sáp nhập Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải (“ Công ty Đức Hải”) và Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung. Đến nay, Anpha Petrol đang dần hoàn thiện việc chuyển nhượng cổ phần để tái cấu trúc thị trường Miền Trung.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	983	1.097	111,58%	48,48%	52,16%
Tài sản dài hạn	1.045	1.006	96,28%	51,52%	47,84%
Tổng tài sản	**2.028**	**2.103**	**103,70%**	**100%**	**100%**

Cơ cấu tài sản của Anpha Petrol có sự đảo chiều, khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 48,48% năm 2021 lên 52,16% năm 2022 và tỷ trọng tài sản dài hạn giảm từ 51,52% năm 2021 xuống 47,84% 2022. Nguyên nhân chính đến từ việc công ty thanh lý nhượng bán một số tài sản cố định như nhà cửa, vật kiến trúc 31 tỷ đồng, Máy móc thiết bị 98 tỷ đồng và phương tiện vận tải 57 tỷ đồng …Đồng thời trong năm 2022 các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng vẫn đang xử lý làm cho khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 533 tỷ đồng năm 2021 lên 745 tỷ đồng năm 2022. Tuy nhiên cơ cấu này sẽ dịch chuyển về trạng thái cân bằng như trước đây, sau khi Anpha Petrol đẩy mạnh hoạt động đầu tư mở rộng thị trường và thu hồi các khoản phải thu đối với khách hàng.

b. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	1.306	1.376	105,43%	84,97%	85,35%
Nợ dài hạn	231	236	102,27%	15,03%	14,65%
Tổng nợ phải trả	**1.537**	**1.613**	**104,95%**	**100,00%**	**100%**

Cơ cấu nợ phải trả của Anpha Petrol chỉ biến động nhẹ và hầu như không có sự biến động quá lớn. Trong năm 2022, Công ty thực hiện một số khoản vay ngắn hạn đối với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 20.000.000 USD trong ngắn hạn và Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng và trong dài hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực cơ cấu lại tổ chức nhằm nâng cao năng suất hoạt động của Công ty, cụ thể như:

- Thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, giúp quá trình kết hợp và quản lý dễ dàng và thuận lợi hơn;

- Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng công nghệ hiện đại vào việc kinh doanh khí LPG tại tất cả các công ty con cũng như Anpha Petrol;
- Nâng cao chất lượng quản lý của ban lãnh đạo tại các Công ty con;
- Hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng ngày một tốt hơn từ các phản hồi thực tế của khách hàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng;
- Triển khai chính sách kiểm định và quản lý vỏ bình gas hiệu quả được thống nhất tại Anpha Petrol và các công ty con, nhằm hạn chế rủi ro vỏ bình gas bị giả và chất lượng không đảm bảo.

5. **Kế hoạch SXKD năm 2023**

Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ KH 2023/TH 2022
1	Tổng sản lượng kinh doanh	Tấn	178.400	260.000	145,74%
-	*Sản lượng Gas Bình*	*Tấn*	*80.225*	*95.000*	*118,42%*
-	*SL Gas Công nghiệp & Bồn TM*	*Tấn*	*98.175*	*165.000*	*168,07%*
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.082	5.000	122,49%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,687	50,000	365,31%

6. **Một số công việc cụ thể trong điều hành của TGĐ ngay trong tháng 4. 2023**.

Sản lượng bán hàng tăng đột biến và chấm dứt lỗ từng tháng một, đảm bảo hoạt động kinh doanh LPG phải có hiệu quả, không lỗ cụ thể; giữ nguyên mục tiêu kế hoạch sản lượng kinh doanh năm 2023 là 260.000 tấn. Để thực hiện mục tiêu này, sẽ thành lập tổ điều hành kinh doanh nhằm điều chỉnh thay đổi chính sách kinh doanh theo hướng chủ động hơn nữa, tối ưu chi phí hoạt động kinh doanh, ổn định thị trường từng bước nâng giá bán để hoàn thành mục tiêu tăng sản lượng và có lãi. Tổ này giao cho Giám đốc khối kinh doanh phụ trách triển khai thực hiện.

Quyết liệt thực hiện các giải pháp quản lý công nợ, tiết kiệm chi phí hoạt động, tăng thu nhập tài chính, giảm tối đa chi phí lãi vay. Để thực hiện mục tiêu: Thành lập tổ chỉ đạo do Giám đốc tài chính chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

Củng cố hệ thống kinh doanh LPG truyền thống theo hướng chủ động, cùng với các trung tâm bán hàng để phối hợp với các đối tác, bạn hàng khắc phục sự cạnh tranh không lành mạnh (thậm chí là cạnh tranh nội bộ) nhằm tăng sản lượng bán, giảm chi phí kinh doanh, đạt hiệu quả cao nhất.

Một số yêu cầu cần thiết phải thay đổi trước khi ta bắt đầu xây dựng hệ thống bán hàng mới, đó là:

- Mạng lưới bán hàng phải mở rộng hơn rất nhiều so với hiện nay.
- Kinh doanh nhiều mặt hàng (đa dạng hàng hóa tại điểm kinh doanh).
- Phương thức bán hàng phải đổi mới, cơ cấu sở hữu vốn phải điều chỉnh phù hợp.

Từng bước hình thành hệ thống kinh doanh bán lẻ mới như là một hệ sinh thái với việc kinh doanh LPG và thương hiệu Gas One là trụ cột.

Về nguồn LPG, vỏ bình gas, hệ thống Logistic, kết hợp với các đối tác có những ưu thế về công nghệ, Quản trị công nghệ trong thương mại điện tử, Mạng lưới bán hàng (net work), các nhà cung cấp sản phẩm khác; chúng tôi gọi là xây dựng Tổng Đại lý Gas One Việt Nam.

II. Báo cáo đánh giá của HĐQT năm 2022 và định hướng quản trị năm 2023

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau đại dịch Covid-19 Anpha Petrol gặp nhiều khó khăn do tác động từ nên kinh tế thế giới, làm cho giá dầu trên thế giới gặp nhiều biến động. Ban lãnh đạo là thực hiện nhiều chính sách nhằm hạn chế tác động này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Anpha Petrol vẫn giữ vững vị thế của mình trong ngành kinh doanh khí hóa lỏng LPG và các công ty con của Tập đoàn cũng đạt được một số thành tựu, tiêu biểu là thương hiệu "Gia đình gas" - Công ty TNHH Một thành viên Khí đốt Gia Đình chính thức đạt chứng nhận hàng việt nam chất lượng cao 2023. Việc tiếp tục đạt được một Chứng nhận phổ biến và uy tín nhất thị trường nội địa, do chính tay người tiêu dùng Việt Nam đánh giá nhiều năm liên tiếp đã cho thấy được uy tín, chất lượng sản phẩm và độ tin cậy mà khách hàng đã gửi gắm vào Gia Đình Gas.

Với 7 công ty con là hơn 10 công ty liên kết trải dài trên cả nước, Anpha Petrol tự tin về vị trí của mình là một trong những Công ty có thị phần phân phối Gas đến với người tiêu dùng trong top 3 cả nước. Trong năm AnPha tiếp tục thực hiện các thương vụ sáp nhập và tiếp tục đầu tư tại cái công ty liên kết.

Anpha Petrol vẫn đang nắm nhiều lợi thế về quy mô cũng như về thương hiệu, đây là nên tảng giúp Công ty vượt qua khó khăn trong giai đoạn nền kinh tế đang khủng hoảng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đã đánh giá cao khả năng tổ chức điều hành của Ban Tổng Giám Đốc trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022. Công tác quản lý nguồn nguyên liệu đầu và hàng tồn kho đã đạt được kết quả tích cực và hạn chế tối thiểu thiệt hại do giảm giá hàng tồn kho. Ban Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo xây dựng chiến lược mua và bán hàng phù hợp với điều kiện của công ty và sự biến động của nền kinh tế thế giới.

Mặc dù không đạt được kết quả đã đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 202, Ban điều hành đã thể hiện khả năng của mình trong việc điều hành hoạt động của Công ty, tạo ra môi trường làm việc dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể đoàn kết.

3. Định hướng của Hội đồng quản trị

Thứ 1: Kiên định các mục tiêu chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh với **"TẦM NHÌN GAS ONE 2045**"

Thứ 2: Không ngừng triển khai quyết liệt và nâng tầm các giải pháp cốt lõi phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện các mục tiêu chiến lược đã nêu.

Thứ 3: Triển khai trên thực tế và từng bước hiện thực hóa các mục tiêu rõ rệt ngay trong năm 2023.

Thứ 4: Phát huy triệt để các thế mạnh hiện có để khắc phục những điểm yếu và phát huy sức mạnh cho phát triển.

PHẦN III

NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

Số: 01/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua báo cáo của TGĐ về KQ SXKD 2022 & Mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha sửa đổi lần 12, ngày 09/05/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua: "Báo cáo của TGĐ về KQ SXKD 2022 & Quản trị công ty năm 2022. (Đính kèm là nội dung nội dung báo cáo được TV HĐQT, kiêm TGĐ trình bày tại đại hội)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 0303224471 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH

TRẦN MINH LOAN

Số: 02/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2022)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha sửa đổi lần 12, ngày 09/05/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua: **"Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022"** được trình bày tại phần phụ lục Báo cáo thường niên 2022 (Báo cáo thường niên & Báo cáo kiểm toán được đính kèm theo tại tài liệu đại hội).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TVHĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 0303224471 - C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
QUẬN 7 T. TP. HỒ CHÍ MINH

TRẦN MINH LOAN

Số: 03/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Kế hoạch kinh doanh 2023).

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 và dự báo diễn biến tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

Tt	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Sản lượng Gas Bình	Tấn	80.225	95.000
2	SL Gas Công nghiệp & Bồn TM	Tấn	98.175	165.000
	Tổng sản lượng kinh doanh	**Tấn**	**178.400**	**260.000**
3	Doanh thu thuần	Mil VND	4.082.067	5.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Mil VND	13.687	50.000

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 0303224471 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
QUẬN 7 T. HỒ CHÍ MINH

TRẦN MINH LOAN

Số: 04/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phân phối lợi nhuận 2022 & Kế hoạch cổ tức năm 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha sửa đổi lần 12, ngày 09/05/2022.
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phươn án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch cổ tức năm 2023 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận 2022:

Diễn giải	Số tiền
1. Lợi sau thuế năm 2022:	13.687.118.400 vnđ.
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022:	85.676.643.611 vnđ
3. Chia cổ tức 2022: 500 vnđ/cp	18.669.771.000 vnđ
4. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau:	67.006.872.611 vnđ.

II. Kế hoạch cổ tức 2023:

Diễn giải	Số tiền
1. Tổng số cổ phiếu lưu hành:	37.339.542 cp
2. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023:	50.000.000.000 vnđ
3. Chia cổ tức 2023:	500 vnđ/cp

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

TRẦN MINH LOAN

Số: 05/TT- HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha sửa đổi lần 12, ngày 09/05/2022;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ủy quyền cho TGĐ ký hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty kiểm toán có tên sau đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023:

1. Công ty Hợp Danh Kiểm Toán Việt Nam (CPA VIỆT NAM);
2. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C (A&C).
3. Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Trân trọng kính trình!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

TRẦN MINH LOAN

Số: 06/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Phê duyệt mức thù lao TV HĐQT năm 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha sửa đổi lần 12, ngày 09/05/2022.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty,

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua mức thù lao TV HĐQT năm 2023, như sau.

▪ Thù lao chi trả cho HĐQT năm 2023: 0 vnđ (không đồng).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

TRẦN MINH LOAN

Số: 07/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Danh sách ứng cử & đề cử ứng viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha sửa đổi lần 12, ngày 09/05/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Danh sách các ứng cử viên tham gia HĐQT **nhiệm kỳ 2023 - 2027**, như sau:

Danh sách các ứng viên tham gia HĐQT **nhiệm kỳ 2023-2027** sẽ được đại hội đồng cổ đông bầu cử tại đại hội thường niên 2023 gồm:

Họ tên ứng viên	Năm sinh	Quốc tịch
1. Ông Takehiko Kawamoto	1964	Nhật Bản
2. Ông Trần Minh Loan	1957	Việt Nam
3. Ông Tomohiko Kawamoto	1973	Nhật Bản
4. Ông Yasuyoshi Kasahara	1964	Nhật Bản
5. Ông Hosokoji Yu	1981	Nhật Bản

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

TRẦN MINH LOAN

Số: 08/TT-HĐQT/ASP/2023

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Ban hành Qui chế Quản trị nội bộ/Qui chế hoạt động của HĐQT/Qui chế hoạt động của UBKT)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023 thông qua nội dung các văn bản sẽ được HĐQT ban hành sau đây: 1). Qui chế Quản trị nội bộ công ty; 2). Qui chế hoạt động của HĐQT; 3). Qui chế hoạt động của Uỷ Ban Kiểm Toán.
Nội dung dự thảo được đính kèm sau đây.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HĐQT, KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 0303224471 C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH

TRẦN MINH LOAN

PHẦN IV

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ: 2023-2027

I. Chủ tọa đoàn tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử này với những việc cụ thể là :

- Trình giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử (nếu có) các ứng viên tham gia HĐQT để đại hội tiến hành bầu;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu, giải quyết các khiếu nại về bầu cử (nếu có).

II. Nội dung bầu cử:

- Bầu cử thành viên tham gia HĐQT;
- Nhiệm kỳ : 2023-2027;
- Số lượng ứng cử viên tham gia HĐQT: 05 ứng viên.

III. Quyền đề cử, ứng cử tham gia HĐQT của cổ đông:

- Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên HĐQT.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- Trong trường hợp các cổ đông không giới thiệu đủ số ứng viên, HĐQT đương nhiệm giới thiệu đề cử bổ sung cho đủ.
- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 1 và 2 ,điều IV dưới đây.

IV. Tiêu chuẩn ứng viên tham gia Hội Đồng Quản Trị:

1. Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty (theo khoản a,b mục 1, điều 110, Luật doanh nghiệp).
- Ứng viên tham gia HĐQT công ty niêm yết không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên 5 công ty khác (theo mục 3, điều 10, Qui chế quản trị công ty niêm yết)

2. Những người không được làm thành viên HĐQT:

- Người chưa thành niên, người thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề.

V. Nguyên tắc bầu cử:

- Đúng luật, đúng điều lệ và bỏ phiếu kín.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử.
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VI. Phương thức bầu cử :

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ **đông có quyền biểu quyết** có tổng số **phiếu bầu** bằng với tổng **số cổ phần sở hữu** nhân với **số lượng ứng cử viên** Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một **thẻ bầu cử** HĐQT. Các cổ đông điền số phiếu bầu cho mỗi thành viên mà mình tín nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông có. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Tổ bầu cử để xin cấp lại thẻ bầu cử mới và phải nộp lại thẻ cũ.
- Thẻ bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Thẻ bầu hợp lệ : là thẻ bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  + Ghi thêm nội dung khác vào thẻ bầu.

  + Thẻ bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho thẻ bầu.

+ Tổng số phiếu bầu cho các thành viên tín nhiệm lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện Ban kiểm toán nội bộ đương nhiệm.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Thẻ bầu cử sau khi kiểm sẽ được mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của Công ty.

VII. Nguyên tắc trúng cử :

- Thành viên trúng cử đạt tỷ lệ % số phiếu bầu cao nhất từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên cần bầu.
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức để bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

- Bản sao y chứng thực CMND/hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch.
- Đơn đăng ký ứng cử viên HĐQT (theo mẫu).
- Thời hạn nhận hồ sơ đăng ký ứng viên: Nhận bằng Fax trước 16h30 ngày 18/04/2023. Bản gốc phải đươc gửi bằng thư bảo đảm về trụ sở công ty.

Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký ứng cử viên của Quí vị cổ đông, Ban tổ chức sẽ tiến hành đối chiếu với các điều kiện qui định theo qui chế và lập danh sách các ứng viên đủ tiêu chuẩn để đại hội tiến hành bầu cử. Các hồ sơ ứng viên được gửi tới Ban tổ chức sau thời hạn nêu trên sẽ được coi là không hợp lệ.

IX. Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

PHẦN V

HƯỚNG DẪN BẦU CỬ HĐQT

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp: "Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số **phiếu bầu** bằng với tổng số **cổ phần có quyền biểu quyết** nhân với **số ứng viên tham gia** Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên."

1. Đối với Phiếu bầu:

Để đảm bảo cho cổ đông thực hiện tốt việc bỏ phiếu bầu, Ban tổ chức xin giới thiệu một số vấn đề về bầu dồn phiếu cho quý cổ đông như sau:

a. Tổng số phiếu bầu của cổ đông được in trên thẻ bầu
b. Đối với phiếu bầu thành viên HĐQT, năm nay bầu 05 thành viên HĐQT nên mỗi cổ phần có quyền biểu quyết sẽ được nhân cho 5, tức là 01 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có 05 phiếu bầu. Ví dụ: Ông A sở hữu tổng cộng: 1.000 cp ASP thì Ông A sẽ có tổng số: 1.000 cp x 5 = 5.000 phiếu bầu để bỏ phiếu cho các ứng viên mình tín nhiệm.

2. Việc Bầu cử:

Căn cứ vào **"tổng số phiếu bầu**" của mình có, các cổ đông sẽ chia số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên và ghi vào cột số phiếu bầu của **"thẻ bầu"** ngay cạnh tên của các ứng cử viên và cộng tổng số phiếu đã bầu để so sánh với tổng số phiếu bầu mà mình có.

Cổ đông có quyền dồn hết phiếu bầu cho một hoặc một số ứng viên mà họ muốn bầu.

Tổng số phiếu bầu của cổ đông dành cho các ứng viên trong danh sách không được vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông đó có.

3. Thẻ bầu không hợp lệ là:

- Thẻ bầu không theo mẫu quy định và không có dấu của công ty.
- Thẻ bầu số người vượt quá số tối đa theo quy định.
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được bầu in trên phiếu.

4. Về kiểm phiếu:

Sau khi thu nhận toàn bộ thẻ bầu cử từ các cổ đông, ban bầu cử sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu cho toàn thể đại hội.

5. Trúng cử:

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Ban bầu cử xin giới thiệu một số ví dụ về trường hợp bầu dồn phiếu hợp lệ và không hợp lệ để cổ đông tham khảo.

Về nguyên tắc chung, khi bầu cử, cổ đông có quyền phân bổ tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho các ứng viên sao cho tổng số phiếu bầu mà cổ đông phân bổ cho các ứng viên không vượt quá Tổng số phiếu bầu mà mình có.

Ví dụ: Cổ đông có 100 cổ phần, khi bầu 5 thành viên HĐQT thì:

Tổng số phiếu bầu là: 100 x 5 = **500 phiếu.**

Các trường hợp bầu có thể xảy ra:

TH 1: Dồn đều tổng số phiếu bầu của cổ đông cho các ứng viên và ghi rõ số phiếu:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Ông A	100
2	Ông B	100
3	Ông C	100
4	Ông D	100
5	Ông E	100
Cộng		**500**

TH 1: Hợp lệ

TH2: Dồn phiếu đều cho các ứng viên nhưng không ghi rõ số phiếu

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Ông A	
2	Ông B	

3	Ông C	
4	Ông D	
5	Ông E	
Cộng		**500**

TH2: *Hợp lệ*

TH 2: Trường hợp không ghi rõ số phiếu bầu cho các ứng viên, không ghi số phiếu bầu cho từng ứng viên vào ô "số phiếu bầu", Ban bầu cử sẽ mặc nhiên xem như các cổ đông đã chia đều phiếu bầu của mình cho các ứng cử viên là Ông A, Ông B, Ông C, Ông D và Ông E. Như vậy mỗi ứng viên này được 100 phiếu bầu (500 / 5).

TH3: Trường hợp không ghi cụ thể số phiếu bầu mà chỉ gạch tên người không được tín nhiệm , các ứng viên được tín nhiệm sẽ được chia đều (làm tròn xuống nếu phát sinh số lẽ)

Stt	**Họ và tên**	**Số phiếu bầu**
1	~~Ông A~~	
2	Ông B	
3	Ông C	
4	Ông D	
5	Ông E	
Cộng		**500**

TH 3: *Hợp lệ*

TH3: Trường hợp không ghi rõ số phiếu bầu cho các ứng viên, chỉ gạch tên ứng viên không tín nhiệm, Ban bầu cử sẽ mặc nhiên xem như các cổ đông đã bầu cho ứng cử viên là Ông B, Ông C, Ông D và Ông E. Như vậy mỗi ứng viên này được 500/4 = 125 phiếu bầu.

TH 4: Dồn phiếu cho một ứng cử viên

Stt	**Họ và tên**	**Số phiếu bầu**
1	Ông A	500
2	Ông B	0
3	Ông C	0
4	Ông D	0

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
5	Ông E	0
Cộng		**500**

TH 4: Hợp lệ

TH 5: Dồn cho số ứng cử viên nhưng không sử dụng hết tổng số phiếu bầu mà mình có:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Ông A	150
2	Ông B	0
3	Ông C	0
4	Ông D	0
5	Ông E	0
Cộng		**150**

TH 5: Hợp lệ

TH 6: Dồn cho một ứng viên nhưng vượt quá tổng số phiếu mà cổ đông đó có:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Ông A	700
2	Ông B	0
3	Ông C	0
4	Ông D	0
5	Ông E	0
Cộng		**700**

TH 6: Không hợp lệ.

Bầu cử là quyền lợi và nghĩa vụ của các cổ đông vì vậy rất mong nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông có mặt hôm nay để đại hội diễn ra thành công. Nếu muốn biết thêm chi tiết, qúy cổ đông có thể đặt câu hỏi trực tiếp.

PHẦN VI

HỒ SƠ ỨNG VIÊN

(Ứng cử & đề cử tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2027)

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ỨNG CỬ

THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA, NHIỆM KỲ 2023-2027

Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CTCP TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Tên cổ đông (tổ chức/cá nhân): **Trần Minh Loan**

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số: 024016570 Ngày cấp: 02/02/2001 Nơi cấp: CA Tp.HCM

Địa chỉ: Mỹ Thái – Phú Mỹ Hưng – Quận 7 – Tp.HCM

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Kinh tế

Hiện đang sở hữu: **2.188.100** cổ phần *(Bằng chữ:*Hai triệu một trăm tám mươi tám ngàn một trăm cổ phần*)*. Tương ứng tỉ lệ sở hữu: **5,86 %** tổng số cổ phần của công ty.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội cổ đông cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử vào: (đánh dấu √ vào lựa chọn bên dưới)

√ **Hội đồng Quản trị, nhiệm kỳ 2023-2027,**

Sẽ được bầu cử trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày **19/04/2023.**

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An pha. Trân trọng cảm ơn!

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023
CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)
Đã ký

TRẦN MINH LOAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu 02

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA, NHIỆM KỲ 2023-2027

Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CTY CP TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Nhóm cổ đông chúng tôi gồm:

Cổ đông (tổ chức/cá nhân): **Công ty Cổ phần Saisan**

ĐKKD số: CA6567 Ngày cấp: 10/09/2013 Nơi cấp:Nhật Bản

Địa chỉ: Saitama - Nhật Bản

Hiện đang sở hữu: **17.998.426** cổ phần *(Bằng chữ:* Mười bảy triệu chín trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi sau cổ phần)

Tương ứng tỉ lệ sở hữu: **48,2 %** tổng số cổ phần của công ty.

Và,

Cổ đông: **Đinh Ngọc Hải**

Địa chỉ: P409 C4 TT Thành Công, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

CMND/Passpost số: 001075001895, cấp ngày 22/09/2015 tại CA Tp. Hà nội.

Hiện đang sở hữu: **1.170.000** cổ phần (Bằng chữ: Một triệu một trăm bảy mươi ngàn cổ phần).

Tương ứng tỉ lệ sở hữu: **3,1 %** tổng số cổ phần của công ty.

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội cổ đông cho chúng tôi được đề cử các Ông/Bà có tên sau đây:

1. **Ông Takehiko Kawamoto**

- Sinh năm 1964 – Quốc tịch: Nhật Bản.

- CMND/Hộ chiếu số: TR3733722; ngày cấp: 10/03/2015 Nơi cấp: BNG Nhật Bản.

- Trình độ học vấn: Đại học, Chuyên ngành: Kỹ thuật năng lượng

2. Ông Tomohiko Kawamoto.

- Sinh năm 1973 – Quốc tịch: Nhật Bản.

- CMND/Hộ chiếu số: TG7975154; ngày cấp: 28/12/2005 Nơi cấp: BNG Nhật Bản.

- Trình độ học vấn: Đại học, Chuyên ngành: Luật.

3. Ông Yasuyoshi Kasahara

- Sinh năm: 1964 – Quốc tịch: Nhật Bản.

- CMND/Hộ chiếu số: TS 1693404; ngày cấp: 13/09/2018 nơi cấp: BNG Nhật Bản

- Trình độ học vấn: Đại học, Chuyên ngành: Kế toán

4. Ông Hosokoji – Yu

Sinh năm: 1981 – Quốc tịch: Nhật Bản.

- CMND/Hộ chiếu số: TT1814597 cấp ngày 11/08/2021, nơi cấp: BNG Nhật Bản

- Trình độ học vấn: Đại học, Chuyên ngành: Thương mại

Lý lịch trích ngang của các ứng cử viên vui lòng xem file được đính kèm giấy đề cử này.

Làm ứng cử viên tham gia: (đánh dấu √ lựa chọn bên dưới)

√ **Hội đồng Quản trị, nhiệm kỳ 2023-2027,**

Sẽ được bầu cử trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 19 tháng 04 năm 2023. Trân trọng cảm ơn!

CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Đã ký

ĐINH NGỌC HẢI

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023
CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)
SAISAN JOINT STOCK COMPANY
CHỦ TỊCH

Đã ký

TAKEHIKO KAWAMOTO

PHẦN VII

DỰ THẢO CÁC QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: ngày của)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 34
ĐIỀU 1: Phạm vi điều chỉnh 34
ĐIỀU 2: Giải thích từ ngữ và định nghĩa 35
ĐIỀU 3: Nguyên tắc quản trị của Công ty 35
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 36
ĐIỀU 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 36
ĐIỀU 5: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ 36
ĐIỀU 6: Trình tự, thủ tục để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 43
ĐIỀU 7: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến 45
CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 49
ĐIỀU 8: Hội đồng quản trị ..... **Error! Bookmark not defined.**
ĐIỀU 9: Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT 49
ĐIỀU 10: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT 50
ĐIỀU 11: Đề cử, ứng cử, cách thức giới thiệu thành viên HĐQT 50
ĐIỀU 12: Cách thức bầu thành viên HĐQT 52
ĐIỀU 13: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT 52
ĐIỀU 14: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 53
ĐIỀU 15: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch HĐQT 53
ĐIỀU 17: Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT 53
ĐIỀU 18: Người phụ trách quản trị Công ty 56
ĐIỀU 19: Các tiểu ban thuộc HĐQT 56
ĐIỀU 20: Uỷ Ban kiểm toán 56
CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 57
ĐIỀU 22: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác 57
ĐIỀU 23: Ký kết hợp đồng lao động, thù lao và các quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác 57
CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 58
ĐIỀU 25: Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc 58
ĐIỀU 26: Thủ tục phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc 58
CHƯƠNG VII: GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM, KỶ LUẬT VÀ KHEN THƯỞNG 59
ĐIỀU 27: Giám sát 59
ĐIỀU 28: Xử lý vi phạm và Kỷ luật 59
ĐIỀU 29: Khen thưởng 59
CHƯƠNG VIII: HIỆU LỰC THI HÀNH 60
ĐIỀU 30: Hiệu lực thi hành 60

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Phạm vi điều chỉnh

1.1 Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha. **Quy chế được xây dựng căn cứ theo:**

a. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là "*Luật Chứng khoán"*) và các văn bản hướng dẫn;

b. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Sau đây gọi tắt là "*Luật Doanh nghiệp"*) và các văn bản hướng dẫn;

c. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

d. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

e. Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

f. Các quy định pháp luật khác có liên quan.

1.2 **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Sau đây gọi tắt là "*Quy chế"*) quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý doanh nghiệp khác.

1.3 **Quy chế này quy định các nội dung về:**

a. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ và họp Hội đồng quản trị;

b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, thành viên của các Uỷ ban;

c. Thành lập và hoạt động của các Uỷ Ban thuộc Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành tại Công ty;

e. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;

f. Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.4 **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản trị Công ty và những người liên quan khác.

ĐIỀU 2: Giải thích từ ngữ và định nghĩa

2.1 Những chữ viết tắt/từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **"Công ty"** là Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

b. **"Điều lệ"** là Điều lệ của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua tại từng thời điểm;

c. **"ĐHĐCĐ"** là Đại hội đồng cổ đông Công ty;

d. **"HĐQT"** là Hội đồng quản trị Công ty;

e. "**Ban Tổng Giám đốc":** bao gồm Tổng Giám đốc (Sau đây viết tắt là "*TGĐ*") và các Phó Tổng Giám đốc của Công ty;

f. **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

g. **"Người quản lý"** của Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại điều lệ Công ty;

h. **"Người điều hành"** của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng..

i. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

j. **"Người nội bộ"** được định nghĩa theo khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán.

k. **"Thành viên HĐQT không điều hành"** là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành của Công ty;

l. **"Thành viên độc lập HĐQT hay thành viên HĐQT độc lập"** là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện theo Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2.2 Những từ ngữ không được giải thích trong Quy chế này thì được hiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2.3 Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó tùy từng thời điểm.

2.4 Trường hợp văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

ĐIỀU 3: Nguyên tắc quản trị của Công ty

Nguyên tắc quản trị của Công ty bao gồm

a. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;

c. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các Uỷ ban trực thuộc;

d. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

e. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

f. Đảm bảo vai trò, trách nhiệm của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

g. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

4.1 ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

4.2 ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ cụ thể theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 5: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

5.1 **Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ thường niên:** HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

5.2 **Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:**

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường có thể do: Hội đồng quản trị hoặc cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập.

b. Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ của Công ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

(i) Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ của Công ty.

(ii) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc một nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên. Theo đó, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu 05% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong trường hợp:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công ty hoặc thực hiện trái với các nghị quyết của ĐHĐCĐ

c. Trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp theo quy định tại Mục (b) nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ.

d. Ngoài ra, HĐQT còn có thể triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường khi HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc trong trường hợp bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

5.3 **Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:**

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp cổ đông.

b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

c. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện như sau:

(i) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD") để đề nghị VSD lập và gửi cho Công Ty danh sách Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.

(ii) Hồ sơ đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định và/hoặc hướng dẫn của VSD được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

5.4 **Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:**

a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.

b. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ có thể được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông.

c. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp của Công Ty;

(ii) Tên, địa chỉ liên lạc của Cổ Đông;

(iii) Tên, địa chỉ liên lạc của Cổ Đông;

(iv) Thời gian và địa điểm họp;

(v) Nội dung cuộc họp;

(vi) Những yêu cầu đối với người dự họp nhằm đảm bảo cuộc họp được diễn ra thành công;

(vii) Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp *(trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm theo thông báo mời họp).*

d. Các tài liệu sử dụng tại cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc/và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm:

(i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

(ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;

(iii) Phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử (nếu có bầu cử);

(iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5.5 **Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:**

a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc theo quy định của Điều lệ Công ty;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản b Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

(ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định;

(iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

d. Trong trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu trên thì phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và phải trả lời chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

e. Trừ các trường hợp từ chối nêu trên, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị này vào chương trình và nội dung họp dự kiến, đồng thời đăng tải nội dung kiến nghị và các tài liệu liên quan đến kiến nghị này lên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông theo dõi và xem xét. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

5.6 **Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ**

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức *(nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).*

d. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

(i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

(ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

(iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5.7 **Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức được nêu tại thông báo mời họp.

b. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông cho các Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp có mặt.

c. Cổ đông, hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5.8 **Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ**

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản b Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

d. Trong trường hợp triệu tập họp lần hai và lần ba như nêu trên, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách mà VSD đã cung cấp trong lần triệu tập họp thứ nhất.

e. Chương trình và nội dung cuộc họp lần hai và/hoặc lần ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

5.9 **Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ**

a. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung, chương trình họp.

b. ĐHĐCĐ thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

5.10 **Cách thức biểu theo hình thức bỏ phiếu**

a. Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc đánh dấu "X" hoặc "□" vào ô "*tán thành*" hoặc *"không tán thành*" hoặc "*không có ý kiến"* vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

b. Các Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

(i) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong.

(ii) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong;

c. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

(i) Thẻ không theo mẫu do Ban tổ chức phát hành và không có dấu tròn hiện hành của Công ty;

(ii) Thẻ bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

(iii) Thẻ không có chữ ký và ghi rõ họ tên của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp lệ;

(iv) Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;

(v) Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

d. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

e. Trường hợp Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông trong quá trình ghi thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông.

5.11 **Cách thức biểu quyết theo hình thức trực tiếp** *(khi không áp dụng hình thức bỏ phiếu khoản 5.10 Điều này)*

a. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để "*tán thành", "không tán thành"* hoặc "*không có ý kiến"* một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết.

b. Khi giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết *"tán thành", "không tán thành" hoặc "không có ý kiến"* của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.

c. Trường hợp Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu *quyết "tán thành", "không tán thành" hoặc "không có ý kiến"* của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã Cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông *"tán thành", "không tán thành" hoặc "không có ý kiến".*

5.12 **Cách thức kiểm phiếu**

a. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại cuộc họp;

b. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:

(i) Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng

(ii) Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu

(iii) Kiểm tra tính hợp lệ của thẻ biểu quyết

(iv) Kiểm tra lần lượt từng thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu

(v) Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết)

(vi) Niêm phong toàn bộ thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng ban kiểm phiếu

(vii) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

(viii) Sau khi khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu.

(ix) Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu; Thành phần ban kiểm phiếu; Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia cuộc họp; Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu; Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề; Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.

5.13 **Điều kiện để nghị quyết được thông qua:** Theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty

5.14 **Thông báo kết quả kiểm phiếu:** Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trước khi bế mạc cuộc họp

5.15 **Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ**: Trong trường hợp cổ đông phản đối quyết định của ĐHĐCĐ thì cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự ĐHĐCĐ và nội dung, lý do về việc phản đối. Văn bản này được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận.

5.16 **Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:** Theo Điều 23 Điều lệ Công ty

5.17 **Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ:** Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản *(nếu có)* và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 6: Trình tự, thủ tục để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

6.1. **Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

a. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua trong trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ.

b. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6.2. **Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ**

a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo theo quy định của Điều lệ Công ty;

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính

đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm *tán thành, không tán thành* và *không có ý kiến* đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

(i) **Gửi thư**: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

(ii) **Gửi fax hoặc thư điện tử (Email)**: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

(iii) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

f. **Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu:** Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

(iv) Tổng số phiếu *tán thành, không tán thành* và *không có ý kiến* đối với từng vấn đề;

(v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g. **Thông báo kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ**

(i) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

(ii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

(iii) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 7: Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

7.1 Công ty có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức trực tuyến khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố, bạo loạn hoặc các sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát và ảnh hưởng đến tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp; và/hoặc các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

7.2 Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như trình bày tại các điểm dưới đây. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến.

a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Các tài liệu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi cùng với thông báo mời họp và/hoặc được đăng tải lên website công ty. Tuy nhiên trong trường hợp tổ chức họp

Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

b. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

(i) Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.

(ii) Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi đã kê khai và xác thực tư cách cổ đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của cổ đông là duy nhất và mỗi cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

(iii) Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.

c. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ động trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại khoản 5.8 Điều 5 của Quy chế này.

d. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

(i) Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp của cổ đông đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.

(ii) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email, số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

e. Cách thức kiểm phiếu

Ban tổ chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác, và số lượng Phiếu biểu quyết mà cổ đông và/hoặc người

được ủy quyền dự họp gửi về bằng đường bưu điện, thư điện tử và fax. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp

g. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và được quy định cụ thể tại Điều 23 Điều lệ công ty.

h. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng 24 giờ kể từ khi được ban hành.

ĐIỀU 8: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

8.1 Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Điều 5, Điều 7 của Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.

8.2 Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp trực tiếp.

a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

(i) Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển

thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các cổ đông.

(ii) Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:

- Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện theo nội dung được quy định tại khoản 5.7 Điều 5 của Quy chế này
- Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện theo nội dung được quy định tại khoản 7.2 Điều 7 của Quy chế này

b. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số cổ đông/người được ủy quyền tham dự họp trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại khoản 5.8 Điều 5 của Quy chế này.

c. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax *(với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu)*, hoặc (iii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

d. Cách thức kiểm phiếu

(i) Công ty sẽ áp dụng công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên:

- Số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người được ủy quyền dự họp đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác;
- Số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu)
- Số lượng phiếu biểu quyết mà cổ đông và/hoặc người được ủy quyền dự họp gửi qua bưu điện, thư điện tử hoặc fax.

(ii) Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu "*tán thành*", "*không tán thành*", "*không có ý kiến*" của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến tương ứng cho từng vấn đề được biểu quyết, từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ thông qua hay không.

e. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp

f. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và được quy định cụ thể tại Điều 23 Điều lệ công ty.

g. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng 24 giờ kể từ khi được ban hành.

CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 9: Hội đồng quản trị

9.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

9.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty

ĐIỀU 10: Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT

10.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và có thể thay đổi nhưng không vượt quá mười một (11) người. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm cụ thể.

10.2 Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, ngoại trừ việc một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được tính từ ngày việc bầu có hiệu lực. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

10.3 Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên.

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên.

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 08 đến 11 thành viên.

ĐIỀU 11: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT cần có phẩm chất và tiêu chuẩn như sau:

11.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định khoản 2 điều 17 của Luật doanh nghiệp.

11.2 Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả; có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty;

11.3 Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, liêm chính, có đạo đức và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;

11.4 Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT nêu trên, thành viên độc lập HĐQT còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12: Đề cử, ứng cử, cách thức giới thiệu thành viên HĐQT

12.1 **Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

a. Khi Công Ty thực hiện bầu thành viên HĐQT các ứng viên có thể gửi hồ sơ đến HĐQT của Công Ty chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ để ứng cử.

b. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều Lệ Công Ty được thực hiện quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT của Công Ty bằng cách gửi hồ sơ đề cử, ứng cử đến HĐQT chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ để HĐQT Sự xem xét.

c. Hồ sơ đề cử, ứng cử gồm:

(i) Văn bản đề cử/ứng cử;

(ii) Lý lịch của người được đề cử, ứng cử bao gồm: họ tên, ngày, tháng; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT các chức danh quản lý khác; Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty; Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có) và các thông tin khác;

(iii) Nếu ứng viên được đề cử bởi nhóm Cổ Đông, cần cung cấp thêm: (i) danh sách đầy đủ của nhóm Cổ Đông đề cử; (ii) tổng số cổ phần mà nhóm Cổ Đông hiện đang nắm giữ; (iii) văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ Đông về việc đề cử thành viên HĐQT.

12.2 **Cách thức giới thiệu thành viên HĐQT**

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

b. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế:

(i) Được HĐQT tìm kiếm lựa chọn;

(ii) Được cổ đông giới thiệu và thông qua quy trình đánh giá của HĐQT.

c. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

12.3 **Công bố thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên HĐQT**

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

b. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

(i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

(ii) Trình độ học vấn;

(iii) Trình độ chuyên môn;

(iv) Quá trình công tác;

(v) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

(vi) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

(vii) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

(viii) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

(ix) Các thông tin khác (nếu có).

ĐIỀU 13: Cách thức bầu thành viên HĐQT

13.1 Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

13.2 Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào số lượng phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

13.3 Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp *(bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại).*

13.4 Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

ĐIỀU 14: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT

14.1 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b. Có đơn từ chức và được sự chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

14.2 Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được ĐHĐCĐ Công ty thông qua và thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

14.3 Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện trong các trường hợp sau:

a. Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

b. ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

ĐIỀU 15: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định về việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty

ĐIỀU 16: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch HĐQT

16.1 Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số.

16.2 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.

ĐIỀU 17: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

17.1 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT: thực hiện theo điều 28 điều lệ Công ty.

17.2 Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 18: Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

18.1 **Số lượng cuộc họp HĐQT**

a. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường để thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường được thực hiện theo quy định trong Điều lệ Công ty và pháp luật.

18.2 **Thông báo họp HĐQT**

a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.

b. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

c. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

18.3 **Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

c. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(ii) Uỷ quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;

(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(iv) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu được sự đồng ý của đa số các thành viên HĐQT;

d. Việc uỷ quyền cho người khác dự họp và biểu quyết của thành viên HĐQT phải được lập bằng văn bản và phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

18.4 **Cách thức biểu quyết:** Cách thức biểu quyết được quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

a. Trừ quy định tại điểm b, khoản 17.4, Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d, khoản 17.4, Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b, khoản 17.4 Điều này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Những người được mời họp dự thính như: Người quản lý khác, Người điều hành khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền biểu quyết như thành viên HĐQT.

18.5 **Điều kiện thông qua nghị quyết của HĐQT**

a. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

18.6 **Lập biên bản họp HĐQT**

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

b. Biên bản họp phải gồm các nội dung chủ yếu sau:

(i) Tên, địa chỉ, trụ sở , mã số doanh nghiêp,

(ii) Thời gian, địa điểm họp

(iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(ix) Họ tên, chữ ký chủ toạ và người ghi biên bản

c. Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

d. Chủ toạ, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản *(nếu có)* phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT;

e. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng Tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

f. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở Công ty.

18.7 **Thông báo Nghị quyết của HĐQT**

a. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty hoặc Ban Thư Ký có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT đã ký đến các thành viên thông qua thư hoặc thư điện tử/fax đến địa chỉ mà thành viên đó đã đăng ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp

b. Nghị quyết HĐQT về một số nội dung quy định bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin, Người đại diện theo pháp luật và/hoặc Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.

ĐIỀU 19: Người phụ trách quản trị Công ty

Tiêu chuẩn, việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách Công ty được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 20: Các tiểu ban thuộc HĐQT

20.1 Ngoại trừ Uỷ ban kiểm toán được ĐHĐCĐ chấp thuận, HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các Tiểu ban khác nếu xét thấy cần thiết.

20.2 HĐQT chịu trách nhiệm phê duyệt quyền hạn, nghĩa vụ, quy trình và báo cáo của các Tiểu ban. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong các tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

20.3 Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

ĐIỀU 21: Uỷ Ban kiểm toán

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT được quy định tại Chương IX Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Uỷ Ban kiểm toán.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

ĐIỀU 22: Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

22.1 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Tổng giám đốc thực hiện công việc, trách nhiệm và quyền hạn theo quyết định của HĐQT.

22.2 Các trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định theo Điều 35 Điều lệ Công ty.

22.3 Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có tính hiệu lực cao nhất đối với mọi nhân viên của Công ty trừ các thành viên HĐQT.

22.4 Tổng giám đốc là người trực tiếp quản lý và giao việc cho nhân viên Công ty.

ĐIỀU 23: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

23.1 HĐQT tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm/miễn nhiệm/bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

23.2 Tổng giám đốc có quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm Người điều hành và các chức danh điều hành khác trong Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty.

ĐIỀU 24: Ký kết hợp đồng lao động, thù lao và các quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

24.1 HĐQT thực hiện việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức thù lao, lương, thưởng và các lợi ích phi vật chất khác đối với Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc và những người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT.

24.2 Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng với Tổng Giám đốc trên cơ sở tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

24.3 Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với Phó Tổng Giám đốc, những người điều hành khác được bổ nhiệm/miễn nhiệm theo thẩm quyền và/hoặc sau khi được HĐQT phê duyệt *(đối với những chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT).*

ĐIỀU 25: Miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

25.1 **Các trường hợp miễn nhiệm**

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

b. Hết thời hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký Hợp đồng;

c. Sức khỏe không đảm bảo thực hiện công việc có xác nhận của cơ sở y tế có chuyên môn;

d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

25.2 **Các trường hợp bãi nhiệm**

a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế Công ty;

b. Vi phạm pháp luật ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc phải chấm dứt Hợp đồng lao động;

c. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

25.3 **Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm:**

a. HĐQT tổ chức họp để thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm TGĐ, Phó TGĐ và các chức danh khác thuộc thẩm quyền HĐQT và được thực hiện bằng văn bản.

b. TGĐ thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành trong Công ty do Tổng Giám đốc bổ nhiệm/miễn nhiệm.

CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 26: Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc

26.1 HĐQT thực hiện giám sát việc thực hiện, triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh của TGĐ theo nguyên tắc tuân thủ, hiệu quả:

a. **Tính tuân thủ:** TGĐ được quyền chủ động mọi hoạt động quản lý, kinh doanh mà các hoạt động đó không vi phạm pháp luật.

b. **Tính hiệu quả:** TGĐ triển khai kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt với mục tiêu đạt kết quả tối thiểu bằng hoặc hơn kế hoạch kinh doanh đã đề ra, ngay khi có dấu hiệu hoạt động đạt mức kém hơn hoặc có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cho kế hoạch kinh doanh thì Tổng giám đốc cần báo cáo/trao đổi với HĐQT để HĐQT có ý kiến và điều chỉnh kịp thời *(nếu có)*.

26.2 Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến phản đối quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái với pháp luật hoặc gây tổn hại cho quyền lợi của cổ đông. Nếu Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định nêu trên của ĐHĐCĐ/HĐQT thì sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp gây thiệt hại cho Công ty.

ĐIỀU 27: Thủ tục phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

27.1 Tổng giám đốc có thể triệu tập họp HĐQT để xin ý kiến trong các trường hợp sau:

a. Có những nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT cho Tổng giám đốc và/hoặc các Phó Tổng giám đốc;

b. Có các vấn đề trọng yếu phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ;

c. Phát sinh xung đột quyền, nghĩa vụ giữa TGĐ, các Phó TGĐ và HĐQT;

d. Có khủng hoảng phát sinh vượt thẩm quyền xử lý của TGĐ và các Phó TGĐ;

e. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

27.2 HĐQT có quyền ra quyết định bằng văn bản để đình chỉ, hủy bỏ các quyết định của TGĐ, các Phó TGĐ và Người điều hành khác nếu thấy có cơ sở cho rằng quyết định đó vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và cổ đông.

27.3 Trong trường hợp cần thiết, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của HĐQT theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM, KỶ LUẬT VÀ KHEN THƯỞNG

ĐIỀU 28: Giám sát

Công ty, cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 29: Xử lý vi phạm và Kỷ luật

29.1 Các thành viên HĐQT, thành viên Ban TGĐ và Người điều hành khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty thì tùy tính chất mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

29.2 HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGĐ có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGĐ bổ nhiệm.

29.3 Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty và quy định pháp luật

29.4 Công ty, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử lý kỷ luật theo các quy định nội bộ của Công ty, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật

ĐIỀU 30: Khen thưởng

Căn cứ vào nội quy, quy định về khen thưởng Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, TGĐ, Phó TGĐ, Người điều hành, cán bộ quản lý và nhân viên khi có thành tích nổi bật.

CHƯƠNG VIII: HIỆU LỰC THI HÀNH

ĐIỀU 31: Hiệu lực thi hành

31.1 Quy chế này gồm 31 Điều và …. trang đã được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha nhất trí thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày ….. tháng ….năm 2023.

31.2 Các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, những người điều hành, các Cổ đông, các bên có lợi ích liên quan và toàn thể nhân viên Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

31.3 Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

31.4 Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân báo cáo bằng văn bản lên HĐQT Công ty. HĐQT sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế cho phù hợp với tính hình thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và trình ĐHĐCĐ thông qua tại từng thời điểm.

31.5 Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 04 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: ngày của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 34
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh 34
Điều 2: Nguyên tắc hoạt động 35
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 36
Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của TV HĐQT 36
Điều 4: Quyền được cung cấp thông tin của TV HĐQT 36
Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 43
Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 45
Điều 7: Chủ tịch Hội đồng quản trị 15
Điều 8: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 9: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 10: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 16
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 17
Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ..... **Error! Bookmark not defined.**7
Điều 12: Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 18
Điều 13: Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 18
Điều 14: Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 18
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19
Điều 15: Cuộc họp Hội đồng quản trị 19
Điều 16: Biên bản họp Hội đồng quản trị 19
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 20
Điều 17: Trình báo cáo hằng năm 21
Điều 18: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 19: Công khai các lợi ích liên quan 23
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24
Điều 20: Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 21: Mối quan hệ với ban điều hành 26
Điều 22: Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán 27
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 28
Điều 23: Hiệu lực thi hành 28

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty áp dụng cho **Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha,** được xây dựng căn cứ theo:

g. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là "*Luật Chứng khoán")* và các văn bản hướng dẫn;

h. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Sau đây gọi tắt là "*Luật Doanh nghiệp")* và các văn bản hướng dẫn;

i. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

j. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

k. Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

l. Các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định

thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 04 năm 2023.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

..., ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng…….…….3
Điều 2. Các định nghĩa ……..……..……...3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán……..……...3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán……..4
Điều 5. Thành viên Ủy ban kiểm toán……..….……...……...5
Điều 6. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán……..……..…5
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên……...5
Điều 8. Hiệu lực thi hành……..….…....6

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán được áp dụng cho Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán.

Điều 2. Các định nghĩa

Những chữ viết tắt/từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Công ty" là Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
b. "Điều lệ" là Điều lệ của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua tại từng thời điểm;
c. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông Công ty;
d. "HĐQT" là Hội đồng quản trị Công ty;
e. "Ban Tổng Giám đốc": bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Công ty;
f. "Người quản lý" của Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại điều lệ Công ty;
g. "Người điều hành" của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng..
h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
i. "Người nội bộ" được định nghĩa theo khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán.
j. "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành của Công ty;
k. "Thành viên độc lập HĐQT hay thành viên HĐQT độc lập" là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện theo Điều lệ và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với Hội đồng quản trị và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định luật pháp.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.

3. Thành viên Ủy ban kiểm toán không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật.

4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;

2. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;

8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo [Điều lệ công ty].

Điều 5. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán công ty gồm **02** thành viên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 6. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cổ đông;

h) Các nội dung khác (nếu có)

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu Khi An Pha bao gồm 08 điều và có hiệu lực thi hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH